

---

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán**

---

---

## NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	3-5
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	6
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-22

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103010028 ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 05 năm 2007.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quảng cáo và hội chợ triển lãm thương mại;
- Du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị máy văn phòng, hàng điện tử, nông sản thực phẩm, hàng dệt may, sản phẩm mỹ thuật;
- Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ in ấn;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo đầu tư, xúc tiến thương mại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn và giá đất);
- Xây dựng, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 9 Đinh Lễ - Hoàn Kiếm - Hà Nội

### CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên	Địa chỉ
Trụ sở chính	Số 9 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh Vinexad TP Hồ Chí Minh	1202, lầu 12, Toà nhà IndoChina Park Tower, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vinexad Đà Nẵng	77 Ba Đình, Hải Châu, Đà Nẵng
Trung tâm Máy văn phòng và Dịch vụ thương mại	Số 9 Đinh Lễ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.754.109.928 VND.  
Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 1.623.883.442 VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong năm 2011 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:



## Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2011 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Khắc Luận	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Quỳnh Giang	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Văn Khải	Ủy viên
Ông Trịnh Xuân Tuấn	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Hoài	Ủy viên

## Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm 2011 và tại thời điểm lập báo cáo gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Tuấn	P.Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh Giang	P.Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	P.Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2011 kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán ngày 29/06/2006, Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, 06 tháng 01 năm 2012.

**TM. Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Khắc Luận**



Số 4361/BCKT/TC/NVS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị  
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại được lập ngày 06/01/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 07 đến trang 22 kèm theo. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ  
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**



**Ngô Quang Tiên**  
Chứng chỉ KTV số 0448/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Kiểm toán viên

**Nguyễn Việt Long**  
Chứng chỉ KTV số 0692/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>21.563.655.474</b>	<b>21.284.618.829</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		6.727.674.851	8.595.106.059
111	1. Tiền	3	6.727.674.851	5.595.106.059
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.620.598.358	7.089.117.024
131	1. Phải thu khách hàng		5.299.586.821	2.981.094.451
132	2. Trả trước cho người bán		2.516.479.480	3.070.618.269
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	4	1.090.945.757	1.323.818.004
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(286.413.700)	(286.413.700)
140	IV. Hàng tồn kho		4.150.373.570	3.760.013.320
141	1. Hàng tồn kho	5	4.150.373.570	3.760.013.320
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.065.008.695	1.840.382.426
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		32.564.700	113.233.100
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	21.633.592	145.634.108
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.010.810.403	1.581.515.218
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.102.155.437</b>	<b>11.857.997.064</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		10.108.739.396	10.919.346.671
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.108.739.396	10.919.346.671
222	- Nguyên giá		15.022.630.213	14.939.981.094
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.913.890.817)	(4.020.634.423)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		572.150.000	572.150.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	8	327.150.000	327.150.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	9	245.000.000	245.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		421.266.041	366.500.393
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	51.947.859	116.500.393
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		119.318.182	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		250.000.000	250.000.000



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.184.959.637</b>	<b>15.137.731.617</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.546.674.311</b>	<b>12.381.044.155</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	22.640.000	595.140.000
312	2. Phải trả người bán		3.758.073.983	2.259.901.362
313	3. Người mua trả tiền trước		2.744.941.310	4.590.918.898
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	414.988.707	1.250.793.621
315	5. Phải trả người lao động		286.650.000	201.200.000
316	6. Chi phí phải trả	13	52.102.800	52.102.800
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	4.267.277.511	3.424.099.144
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	6.888.330
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.638.285.326</b>	<b>2.756.687.462</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	43.176.649	43.176.649
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		93.422.605	51.247.619
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		2.501.686.072	2.662.263.194
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>18.480.851.274</b>	<b>18.004.884.276</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>18.480.851.274</b>	<b>18.004.884.276</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	10.500.000.000	10.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	16	1.750.000.000	1.750.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		552.642.249	283.613.323
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	16	3.606.080.021	2.465.800.979
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	16	448.245.562	289.590.471
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	1.623.883.442	2.715.879.503
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>32.665.810.911</b>	<b>33.142.615.893</b>



## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
	5. Ngoại tệ các loại		-	-
	- USD		56.603,91	323,72
	- EUR		6.052,45	270,44
	6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	99.350.494.681	79.992.640.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	18	99.350.494.681	79.992.640.199
11	4. Giá vốn hàng bán	19	86.542.222.565	71.584.693.104
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.808.272.116	8.407.947.095
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	849.774.307	1.257.008.757
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	4.343.191
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.958.537.292	9.541.821.037
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.699.509.131	118.791.624
31	11. Thu nhập khác		143.038.907	5.463.889.796
32	12. Chi phí khác		831.918.711	1.555.867.651
40	13. Lợi nhuận khác		(688.879.804)	3.908.022.145
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.010.629.327	4.026.813.769
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	375.837.581	1.263.095.987
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22	(119.318.182)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.754.109.928	2.763.717.782
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.623	2.632

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>3.010.629.327</b>	<b>4.026.813.769</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>954.765.456</b>	<b>1.045.369.175</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định		954.765.456	928.194.797
03	- Các khoản dự phòng		-	286.413.700
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(169.239.322)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.965.394.783</b>	<b>5.072.182.944</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.956.094.185)	665.987.012
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(390.360.250)	1.689.013.057
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		404.766.303	371.999.521
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		145.220.934	67.068.259
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.160.875.864)	(154.940.048)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		143.038.907	5.219.590.909
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.719.482.544)	(4.043.342.336)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(568.391.916)</b>	<b>8.887.559.318</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(133.249.090)	(5.757.828.954)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	530.700.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(3.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(245.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		849.067.549	1.257.008.757
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>715.818.459</b>	<b>(7.215.120.197)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(572.500.000)	(359.003.351)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.995.000.000)	(1.260.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(2.567.500.000)</b>	<b>(1.619.003.351)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(2.420.073.457)</b>	<b>53.435.770</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.595.106.059	8.258.056.926
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		552.642.249	283.613.363
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		6.727.674.851	8.595.106.059

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận



# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại là Công ty cổ phần được thành lập theo theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 05 năm 2007.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010028 ngày 27 tháng 04 năm 2006 thay đổi lần 2 ngày 14 tháng 05 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh là: 10.500.000.000 đồng (Mười tỷ, năm trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 9 Đinh Lễ - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là quảng cáo, tổ chức triển lãm sự kiện.

### Ngành nghề kinh doanh

- Quảng cáo và hội chợ triển lãm thương mại;
- Du lịch, lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị máy văn phòng, hàng điện tử, nông sản thực phẩm, hàng dệt may, sản phẩm mỹ thuật;
- Tư vấn và thiết kế thi công mỹ thuật (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ in ấn;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo đầu tư, xúc tiến thương mại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, môi giới bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn và giá đất);
- Xây dựng, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.



## **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06-25 năm
Máy móc thiết bị	05-14 năm
Phương tiện vận tải	06-15 năm
Thiết bị văn phòng	03-10 năm
Phần mềm quản lý	03 năm

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính



Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phân chênh lệch.

### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;



- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.



Năm 2006 Công ty chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Theo quy định Công ty được miễn thuế TNDN năm 2007 và năm 2008, được giảm 50% số thuế TNDN cho năm năm 2009, 2010, 2011.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



**3 . TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	623.501.149	355.618.078
Tiền gửi ngân hàng	6.104.173.702	5.239.487.981
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>6.727.674.851</u></u>	<u><u>5.595.106.059</u></u>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	1.084.584.272	817.706.519
Phải trả, phải nộp khác (Dư Nợ)	6.361.485	506.111.485
<b>Cộng</b>	<u><u>1.090.945.757</u></u>	<u><u>1.323.818.004</u></u>

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	3.590.909	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.146.782.661	3.751.747.805
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	-	8.265.515
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<u><u>4.150.373.570</u></u>	<u><u>3.760.013.320</u></u>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.633.592	145.634.108
Thuế khác	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>21.633.592</u></u>	<u><u>145.634.108</u></u>



**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	MMTB DCQL	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	11.197.660.735	1.590.575.166	2.151.745.193	-	14.939.981.094
Số tăng trong năm	-	144.158.181	-	-	144.158.181
- Mua trong năm	-	144.158.181	-	-	144.158.181
- Đầu tư XD/CB h.thành					-
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm	-	61.509.062	-	-	61.509.062
- Thanh lý, nhượng bán		-	-		-
- Giảm khác		61.509.062			61.509.062
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.197.660.735</b>	<b>1.673.224.285</b>	<b>2.151.745.193</b>	<b>-</b>	<b>15.022.630.213</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.279.500.004	974.129.076	767.005.343	-	4.020.634.423
Số tăng trong năm	523.107.252	256.278.964	175.379.240	-	954.765.456
- Khấu hao trong năm	523.107.252	256.278.964	175.379.240		954.765.456
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm	-	61.509.062	-	-	61.509.062
- Thanh lý, nhượng bán		-	-		-
- Giảm khác		61.509.062			61.509.062
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.802.607.256</b>	<b>1.168.898.978</b>	<b>942.384.583</b>	<b>-</b>	<b>4.913.890.817</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	8.918.160.731	616.446.090	1.384.739.850	-	10.919.346.671
Số dư cuối năm	8.395.053.479	504.325.307	1.209.360.610	-	10.108.739.396

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 152.843.560

**8 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty TNHH Jcdcaux Neonlight Vinexad	327.150.000	327.150.000
<b>Cộng</b>	<b>327.150.000</b>	<b>327.150.000</b>

**9 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (*)	245.000.000	245.000.000
<b>Cộng</b>	<b>245.000.000</b>	<b>245.000.000</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2010/HTKD ngày 25/09/2010 giữa Công ty và Công ty TNHH Ấn Tượng Việt về việc hợp tác kinh doanh 4 Pano tại thành phố Đà Nẵng với mức chia lợi nhuận 50/50.



**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	51.947.859	116.500.393
Giá trị lợi thế thương mại	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>51.947.859</b></u>	<u><b>116.500.393</b></u>

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	22.640.000	595.140.000
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	22.640.000	595.140.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>22.640.000</b></u>	<u><b>595.140.000</b></u>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	117.482.452	198.402.532
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	241.396.255	1.026.434.538
Thuế thu nhập cá nhân	55.110.000	25.956.551
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	1.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><b>414.988.707</b></u>	<u><b>1.250.793.621</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả Văn phòng	-	-
Chi phí phải trả Chi nhánh Đà Nẵng	52.102.800	52.102.800
Chi phí phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>52.102.800</b></u>	<u><b>52.102.800</b></u>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	45.706.445	46.173.585
Bảo hiểm xã hội	40.129.350	30.001.203
Bảo hiểm y tế	8.479.370	8.479.370
Phải trả về cổ phần hoá	-	60.733.010
Phải trả phải nộp khác	4.172.962.346	3.106.414.860
Phải thu khác (Dư Có)	-	171.287.916
Tạm ứng (Dư Có)	-	1.009.200
<b>Cộng</b>	<u><b>4.267.277.511</b></u>	<u><b>3.424.099.144</b></u>



**15 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	43.176.649	43.176.649
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác( Chi nhánh Sài Gòn)	43.176.649	43.176.649
- Trái phiếu phát hành	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>43.176.649</u></u>	<u><u>43.176.649</u></u>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	10.500.000.000	1.750.000.000	2.152.653.376	205.855.851	1.742.187.544
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước					2.763.717.782
Tăng khác			313.147.603	83.734.620	-
Giảm khác			-	-	(1.790.025.823)
Số dư cuối năm trước	<u>10.500.000.000</u>	<u>1.750.000.000</u>	<u>2.465.800.979</u>	<u>289.590.471</u>	<u>2.715.879.503</u>
Tăng vốn trong năm nay					
Lãi trong năm nay					2.754.109.928
Tăng khác			1.140.279.042	158.655.091	-
Phân phối lợi nhuận					(3.846.105.989)
Số dư cuối năm nay	<u><u>10.500.000.000</u></u>	<u><u>1.750.000.000</u></u>	<u><u>3.606.080.021</u></u>	<u><u>448.245.562</u></u>	<u><u>1.623.883.442</u></u>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2011</u>	Tỷ lệ	<u>01/01/2011</u>	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	2.126.000.000	20,25%	2.126.000.000	20,25%
Vốn góp của các đối tượng khác	8.374.000.000	79,75%	8.374.000.000	79,75%
<b>Cộng</b>	<u><u>10.500.000.000</u></u>	100%	<u><u>10.500.000.000</u></u>	100%

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	10.500.000.000	10.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	10.500.000.000	10.500.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.050.000	1.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.050.000	1.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.050.000	1.050.000

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng/cp

10.000 đồng/cp



f) Các quỹ của công ty	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	3.606.080.021	2.465.800.979
- Quỹ dự phòng tài chính	448.245.562	289.590.471

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	363.264.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.350.494.681	79.629.375.290
<b>Cộng</b>	<u><u>99.350.494.681</u></u>	<u><u>79.992.640.199</u></u>

**18 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	-	363.264.909
Doanh thu thuần dịch vụ	99.350.494.681	79.629.375.290
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>99.350.494.681</u></u>	<u><u>79.992.640.199</u></u>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	86.542.222.565	71.584.693.104
<b>Cộng</b>	<u><u>86.542.222.565</u></u>	<u><u>71.584.693.104</u></u>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	849.067.549	729.133.820
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	706.758	527.874.937
<b>Cộng</b>	<u><u>849.774.307</u></u>	<u><u>1.257.008.757</u></u>

**21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	375.837.581	1.263.095.987
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí	-	-
<b>Thuế TNDN hiện hành năm nay (*)</b>	<u><u>375.837.581</u></u>	<u><u>1.263.095.987</u></u>

(\*) Thuyết minh chi tiết thuế TNDN năm nay

	<u>Diễn giải</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.010.629.327
Các khoản điều chỉnh	1.284.657.315
Lãi nội bộ đã loại trừ (1)	1.363.636.364
Bù lỗ phát sinh của chi nhánh Đà Nẵng các năm trước (2)	(78.979.049)
Thu nhập chịu thuế (3)=(1)+(2)	4.295.286.642
Thuế suất thuế TNDN (4)	25%
Thuế TNDN được ưu đãi (5)=(4)*(3)*50%	536.910.830
Thuế TNDN được miễn giảm theo TT 154/2011/TT-BTC	161.073.249



**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(119.318.182)	-
<b>Cộng</b>	<u>(119.318.182)</u>	<u>-</u>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.754.109.928	2.763.717.782
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.050.000	1.050.000
<b>Cộng</b>	<u>2.623</u>	<u>2.632</u>

**24 . THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

